

Số: **94** /KH-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **16** tháng **3** năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai phong trào thi đua “Phát triển doanh nghiệp tư nhân, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước và Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Phát triển doanh nghiệp tư nhân, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước” do Thủ tướng Chính phủ phát động giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I (nhiệm kỳ 2025 - 2030); Nghị quyết số 489/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai phong trào thi đua “Phát triển doanh nghiệp tư nhân, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Phát triển mạnh khu vực doanh nghiệp tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế Thành phố; nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh và vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước

b) Tạo chuyển biến thực chất về số lượng, chất lượng, quy mô, năng suất và năng lực quản trị của doanh nghiệp.

c) Gắn phong trào thi đua với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước.

2. Yêu cầu

a) Chỉ tiêu thi đua gắn trực tiếp với doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước, có thể đo lường, đánh giá hằng năm.

b) Có lộ trình định lượng theo từng năm đến năm 2030.

c) Gắn kết quả phong trào thi đua với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

d) Bảo đảm kiểm tra, giám sát thực chất, tránh hình thức.

II. CHỈ TIÊU THI ĐUA GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Đối với khu vực doanh nghiệp tư nhân

a) Đến năm 2030, trên địa bàn Thành phố có ít nhất 750.000 doanh nghiệp đang hoạt động theo quy định của pháp luật.

b) Số doanh nghiệp đang hoạt động tăng bình quân từ 8% đến 10% mỗi năm so với số doanh nghiệp thực tế đang hoạt động tại thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm liền kề trước đó.

c) Có ít nhất 70% doanh nghiệp tư nhân áp dụng các giải pháp công nghệ số trong quản trị điều hành, sản xuất hoặc kinh doanh.

d) Hình thành và duy trì hoạt động ít nhất 2.000 doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới hoặc ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh.

đ) Có ít nhất 500 doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ có tốc độ tăng trưởng doanh thu hoặc quy mô hoạt động cao hơn mức tăng trưởng bình quân của ngành.

e) Có ít nhất 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho các doanh nghiệp đầu mối trong nước hoặc tham gia chuỗi cung ứng khu vực, quốc tế.

2. Đối với doanh nghiệp nhà nước

a) 100% doanh nghiệp nhà nước xây dựng và triển khai hệ thống quản trị, điều hành trên môi trường số, bảo đảm số hóa các quy trình quản lý chủ yếu.

b) 100% doanh nghiệp nhà nước xây dựng, ban hành và áp dụng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và quản trị điều hành theo phương pháp hiện đại, bảo đảm đo lường được kết quả sản xuất, kinh doanh, năng suất lao động và hiệu quả sử dụng vốn.

c) Có tối thiểu 90% doanh nghiệp nhà nước đạt hoặc vượt chỉ tiêu lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu theo kế hoạch tài chính hằng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm phù hợp với năng lực và điều kiện thực tế của doanh nghiệp.

d) Năng suất lao động của doanh nghiệp nhà nước tăng tối thiểu 7% mỗi năm so với năm trước.

đ) Đến năm 2030, doanh nghiệp nhà nước dành tối thiểu 12% tổng vốn đầu tư hằng năm cho đổi mới công nghệ.

3. Chỉ tiêu về cải cách hành chính liên quan doanh nghiệp

a) Đến năm 2030, 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện hoàn toàn trên môi trường trực tuyến.

b) Thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan doanh nghiệp được rút ngắn tối thiểu 30% so với thời điểm ban hành Kế hoạch.

c) Đến năm 2030, tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng về chất lượng giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%.

III. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THI ĐUA, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Đối tượng thi đua

- Tập thể: các sở, ban, ngành, xã, phường, đặc khu (viết tắt là cơ quan, đơn vị, địa phương); các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân.

- Cá nhân: cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, doanh nhân, người lao động và Nhân dân trên địa bàn Thành phố.

2. Thời gian thi đua:

Phong trào thi đua được triển khai thực hiện từ năm 2026 đến năm 2030, chia thành 02 giai đoạn, gồm:

2.1. Giai đoạn 1 (từ năm 2026 - 11/6/2028)

- Sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm giai đoạn 1 trong tháng 6 năm 2028 kết hợp kỷ niệm 80 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948-11/6/2028).

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo sơ kết đánh giá tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, đề ra giải pháp hiệu quả thực hiện giai đoạn tiếp theo; đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tặng Bằng khen và trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, nổi bật nhân dịp sơ kết Phong trào thi đua..

2.2. Giai đoạn 2 (từ tháng 7/2028 - năm 2030)

- Tổng kết phong trào thi đua trong quý 4 năm 2030, kết hợp Đại hội thi đua yêu nước của Thành phố lần thứ 2 (giai đoạn 2030 - 2035).

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo tổng kết phong trào thi đua; khen thưởng theo thẩm quyền; đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tặng Bằng khen và trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, nổi bật nhân dịp tổng kết Phong trào thi đua.

3. Lộ trình thực hiện các chỉ tiêu

Việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu của phong trào thi đua được tổ chức theo lộ trình hằng năm, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu đến năm 2030; đồng thời phục

vụ sơ kết phong trào thi đua vào tháng 6 năm 2028 và tổng kết vào năm 2030; cụ thể như sau:

3.1. Lộ trình phát triển doanh nghiệp tư nhân

- Năm 2026: phần đầu trên địa bàn Thành phố có khoảng 620.000 doanh nghiệp tư nhân đang hoạt động; khoảng 40% doanh nghiệp tư nhân áp dụng các giải pháp công nghệ số trong quản trị, sản xuất hoặc kinh doanh; hình thành khoảng 900 doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm hoặc ứng dụng công nghệ mới; khoảng 200 doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ có tốc độ tăng trưởng cao; khoảng 25% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi cung ứng trong nước hoặc quốc tế.

- Năm 2027: phần đầu đạt khoảng 660.000 doanh nghiệp đang hoạt động; khoảng 50% doanh nghiệp tư nhân áp dụng các giải pháp công nghệ số; hình thành khoảng 1.200 doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu, phát triển hoặc ứng dụng công nghệ mới; khoảng 300 doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ tăng trưởng nhanh; khoảng 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi cung ứng.

- Tính đến thời điểm sơ kết phong trào thi đua (tháng 6 năm 2028): Phần đầu đạt khoảng 690.000 doanh nghiệp đang hoạt động; khoảng 55% doanh nghiệp tư nhân áp dụng các giải pháp công nghệ số; khoảng 1.400 doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu, phát triển hoặc ứng dụng công nghệ mới; khoảng 350 doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ tăng trưởng nhanh; khoảng 33% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi cung ứng.

- Cuối năm 2028: phần đầu đạt khoảng 710.000 doanh nghiệp đang hoạt động; khoảng 60% doanh nghiệp tư nhân áp dụng các giải pháp công nghệ số; khoảng 1.600 doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu, phát triển hoặc ứng dụng công nghệ mới; khoảng 400 doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ tăng trưởng nhanh; khoảng 35% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi cung ứng.

- Năm 2029: phần đầu đạt khoảng 730.000 doanh nghiệp đang hoạt động; khoảng 65% doanh nghiệp tư nhân áp dụng các giải pháp công nghệ số; khoảng 1.800 doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu, phát triển hoặc ứng dụng công nghệ mới; khoảng 450 doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ tăng trưởng nhanh; khoảng 38% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi cung ứng.

- Năm 2030: phần đầu đạt 750.000 doanh nghiệp đang hoạt động; 70% doanh nghiệp tư nhân áp dụng các giải pháp công nghệ số; hình thành và duy trì ít nhất 2.000 doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu, phát triển hoặc ứng dụng công nghệ mới; 500 doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ tăng trưởng nhanh; 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi cung ứng.

3.2. Lộ trình nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước

- Năm 2026: khoảng 60% doanh nghiệp nhà nước triển khai hệ thống quản trị, điều hành trên môi trường số; 70% doanh nghiệp áp dụng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động; khoảng 80% doanh nghiệp đạt hoặc vượt chỉ tiêu lợi nhuận; năng suất lao động tăng khoảng 7%; khoảng 8% tổng vốn đầu tư dành cho đổi mới công nghệ.

- Năm 2027: khoảng 75% doanh nghiệp nhà nước triển khai hệ thống quản trị số; 80% doanh nghiệp áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động; 85% doanh nghiệp đạt hoặc vượt kế hoạch lợi nhuận; khoảng 9% tổng vốn đầu tư dành cho đổi mới công nghệ.

- Tính đến thời điểm sơ kết phong trào thi đua (tháng 6 năm 2028): khoảng 85% doanh nghiệp nhà nước triển khai hệ thống quản trị số; 90% doanh nghiệp áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động; 88% doanh nghiệp đạt hoặc vượt kế hoạch lợi nhuận; khoảng 10% tổng vốn đầu tư dành cho đổi mới công nghệ.

- Cuối năm 2028: khoảng 90% doanh nghiệp nhà nước triển khai hệ thống quản trị số; 92% doanh nghiệp đạt hoặc vượt kế hoạch lợi nhuận; khoảng 10,5% tổng vốn đầu tư dành cho đổi mới công nghệ.

- Năm 2029: khoảng 95% doanh nghiệp nhà nước triển khai hệ thống quản trị số; 90% doanh nghiệp đạt hoặc vượt kế hoạch lợi nhuận; khoảng 11% tổng vốn đầu tư dành cho đổi mới công nghệ.

- Năm 2030: 100% doanh nghiệp nhà nước triển khai hệ thống quản trị, điều hành trên môi trường số; 100% doanh nghiệp áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động; tối thiểu 90% doanh nghiệp đạt hoặc vượt kế hoạch lợi nhuận; 12% tổng vốn đầu tư dành cho đổi mới công nghệ.

3.3. Lộ trình cải cách thủ tục hành chính liên quan doanh nghiệp

- Năm 2026: khoảng 70% thủ tục hành chính liên quan doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến; thời gian giải quyết thủ tục giảm khoảng 10%; tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng đạt khoảng 88%.

- Năm 2027: khoảng 80% thủ tục hành chính thực hiện trực tuyến; thời gian giải quyết thủ tục giảm khoảng 15%; tỷ lệ hài lòng đạt 90%.

- Tính đến thời điểm sơ kết phong trào thi đua (tháng 6 năm 2028): khoảng 85% thủ tục hành chính thực hiện trực tuyến; thời gian giải quyết thủ tục giảm khoảng 20%; tỷ lệ hài lòng đạt 92%.

- Cuối năm 2028: khoảng 90% thủ tục hành chính thực hiện trực tuyến; thời gian giải quyết thủ tục giảm khoảng 22–25%; tỷ lệ hài lòng đạt 93%.

- Năm 2029: khoảng 95% thủ tục hành chính thực hiện trực tuyến; thời gian giải quyết thủ tục giảm khoảng 28%; tỷ lệ hài lòng đạt 94%.

- Năm 2030: 100% thủ tục hành chính liên quan doanh nghiệp được thực hiện hoàn toàn trên môi trường trực tuyến; thời gian giải quyết thủ tục giảm ít nhất 30%; tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng đạt tối thiểu 95%.

IV. CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG

1. Nguyên tắc xét thi đua, khen thưởng

a) Việc xét thi đua, khen thưởng căn cứ trực tiếp vào kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao theo Kế hoạch này.

b) Chỉ xem xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Hoàn thành tối thiểu 95% tổng số chỉ tiêu được giao trong năm đánh giá;
- Không có vi phạm pháp luật, không bị xử lý kỷ luật trong năm;
- Không có nợ thuế quá hạn hoặc vi phạm nghĩa vụ tài chính với Nhà nước;
- Tỷ lệ doanh nghiệp hoặc người dân hài lòng đạt từ 85% trở lên (đối với cơ quan hành chính).

c) Không xét khen thưởng cấp Thành phố và trình cấp trên khen thưởng đối với tập thể hoặc người đứng đầu tập thể:

- Hoàn thành dưới 95% chỉ tiêu;
- Có từ 02 chỉ tiêu trọng yếu không đạt;
- Doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm nghiêm trọng về môi trường, lao động, tài chính.
- Tỷ lệ doanh nghiệp hoặc người dân hài lòng đạt dưới 80% trở lên (đối với cơ quan hành chính).

2. Hình thức khen thưởng

a) Khen thưởng sơ kết

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Giấy khen.

b) Khen thưởng tổng kết

- Huân chương Lao động;
- Cờ Thi đua của Chính phủ;
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
- Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Giấy khen.

3. Tiêu chuẩn khen thưởng

Căn cứ kết quả thực hiện Phong trào thi đua của các tập thể, cá nhân, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện khen thưởng theo thẩm quyền đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng khi tiến hành sơ, tổng kết phong trào.

3.1. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố

Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố được tặng cho các tập thể xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành từ 105% trở lên tổng số chỉ tiêu được giao, không có chỉ tiêu trọng yếu không đạt, không có vi phạm pháp luật hoặc sai phạm trong quản lý, điều hành.

b) Doanh nghiệp nhà nước đạt tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu vượt kế hoạch $\geq 10\%$; năng suất lao động tăng $\geq 8\%$; đầu tư đổi mới công nghệ $\geq 12\%$ tổng vốn đầu tư; có ít nhất 01 sáng kiến quản trị có khả năng được nhân rộng.

c) Doanh nghiệp tư nhân đạt tăng trưởng doanh thu $\geq 10\%$ hoặc lợi nhuận $\geq 10\%$; có ít nhất 01 sáng kiến, giải pháp đổi mới sáng tạo được áp dụng thực tế; tạo thêm việc làm tối thiểu 5% so với năm trước.

3.2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được tặng cho các tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành từ 100% đến dưới 105% tổng số chỉ tiêu được giao và bảo đảm đầy đủ các điều kiện bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Mục này.

- Doanh nghiệp nhà nước đạt $\geq 100\%$ kế hoạch lợi nhuận được giao; tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt hoặc vượt chỉ tiêu; không lỗ lũy kế tăng thêm; không vi phạm pháp luật về tài chính, đầu tư, quản lý vốn nhà nước; hoàn thành lộ trình chuyển đổi số theo năm.

- Doanh nghiệp tư nhân đạt tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận $\geq 5\%$; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm; không vi phạm pháp luật; có ứng dụng nền tảng số trong quản trị hoặc sản xuất.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được tặng cho các cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Tích cực đổi mới sáng tạo, áp dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, có mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, có khả năng nhân rộng, phát triển doanh nghiệp bền vững.

- Cán bộ, công chức, viên chức: có chuyên môn sâu, khả năng thích ứng linh hoạt với môi trường toàn cầu, kỹ năng phối hợp liên ngành đáp ứng yêu cầu hội nhập ngày càng sâu rộng; có nhiều sáng kiến, giải pháp sáng tạo được cấp có thẩm quyền công nhận trong việc xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện cơ chế, chính sách, quy định, thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và mọi người dân có điều kiện phát triển, làm giàu chính đáng.

3.3. Giấy khen

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý hoàn thành từ 90% đến dưới 100% tổng số chỉ tiêu được giao, không có vi phạm pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ Kế hoạch này và đặc điểm, tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ để triển khai Phong trào thi đua với nội dung, tiêu chí cụ thể, hình thức phù hợp, thiết thực tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, quyết tâm cao hơn nữa trong hành động của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tầng lớp Nhân dân, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết số 68, Nghị quyết số 79, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I. Khuyến khích phát động, triển khai Phong trào thi đua hằng năm, gắn với các phong trào thi đua khác tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương phân công rõ trách nhiệm các thành viên trong quá trình chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát việc triển khai thực hiện Phong trào thi đua. Các cụm, khối thi đua bổ sung kết quả thực hiện phong trào thi đua là tiêu chí chấm điểm hằng năm đối với đơn vị thành viên của cụm, khối thi đua.

3. Sở Tài chính: chủ trì theo dõi, cập nhật, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; tham mưu giải pháp phát triển doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố; xây dựng các chương trình tổ chức đối thoại doanh nghiệp cấp Thành phố. Thực hiện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố định kỳ hằng năm về tình hình phát triển doanh nghiệp.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: chủ trì phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố. Phối hợp Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố hỗ trợ doanh nghiệp các hoạt động nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, triển khai hệ thống

quản trị, điều hành trên môi trường số và triển khai thủ tục hành chính liên quan doanh nghiệp trên môi trường trực tuyến.

5. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn khen thưởng sơ kết, tổng kết Phong trào thi đua.

6. Sở Văn hóa và Thể thao: phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy tiếp tục chỉ đạo các cơ quan truyền thông trên địa bàn Thành phố đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, mở các chuyên trang, chuyên mục, tăng cường thời lượng nhằm phát hiện, biểu dương và nhân rộng những cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả, các điển hình tiên tiến về thực hiện Phong trào thi đua.

7. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu: xây dựng kế hoạch phát triển doanh nghiệp tại địa bàn, phù hợp với quy mô và điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương; tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp; tổ chức đối thoại doanh nghiệp tối thiểu 02 lần mỗi năm.

8. Định kỳ hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo tình hình tổ chức thực hiện Phong trào thi đua về Sở Tài chính và Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ theo quy định.

Căn cứ Kế hoạch này, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Thành viên Hội đồng TĐKT TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- UBMT VN TP và các tổ chức chính trị xã hội TP;
- Các phường, xã, đặc khu thuộc TP;
- Tổng công ty, công ty thuộc TP;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc TP;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Phòng VX, HCQT;
- Lưu: VT, (VX-TrN). *cl*



Nguyễn Văn Đước